

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ NAM ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



Nam Định, tháng 2 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ông Nguyễn Xuân Quyền	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Ủy viên HĐQT
Ông Hoàng Nguyên Thanh	Ủy viên HĐQT - Giám đốc
Ông Phan Trung Kiên	Phó Giám đốc
Ông Cao Anh Tuấn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

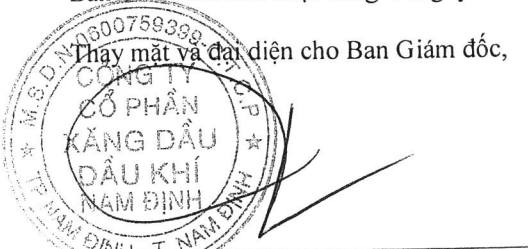
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Nguyên Thanh
Giám đốc

Nam Định, ngày 24 tháng 02 năm 2016

Số: 05/2016/KT-AVI-TC2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24/02/2016 và được trình bày từ trang số 4 đến trang số 31 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại các Thuyết minh số 11, số 13 và số 23 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty chưa thực hiện phân bổ giá trị lợi thế thương mại vào chi phí, chưa xác định mức tổn thất để lập dự phòng đối với khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật xăng dầu Petecland tại ngày 31/12/2015 để lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 7/12/2009, khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp đang trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty là số đã được giảm trừ bởi khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm của năm trước chuyển sang. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ cơ sở để đưa ra ý kiến nhận xét đối với các số liệu liên quan cũng như các thông tin đang trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

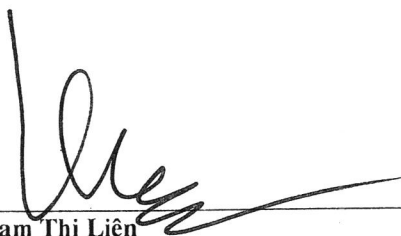
Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại phần cơ sở kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Đường
Phó Tổng giám đốc
Số giấy CNĐKHKT 0387-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2015


Phạm Thị Liên
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán 2507-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		58.684.024.122	91.350.388.017
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.023.733.260	7.086.076.693
1. Tiền	111		12.023.733.260	7.086.076.693
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.782.915.151	40.120.866.084
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	29.991.898.913	51.657.275.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		305.000.000	429.139.366
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.185.482.532	2.340.837.030
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(13.699.466.294)	(14.306.385.742)
IV. Hàng tồn kho	140	10	21.280.877.703	43.304.983.894
1. Hàng tồn kho	141		22.234.778.922	45.745.800.889
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(953.901.219)	(2.440.816.995)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.596.498.008	838.461.346
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	6.275.563.820	467.088.379
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	50.438.779
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		320.934.188	320.934.188
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.252.074.444	94.692.746.306
II. Tài sản cố định	220		56.331.776.610	58.247.801.068
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	53.490.855.404	55.287.493.374
- Nguyên giá	222		77.144.418.670	77.924.145.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.653.563.266)	(22.636.652.296)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	2.840.921.206	2.960.307.694
- Nguyên giá	228		3.171.000.000	3.206.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(330.078.794)	(245.692.306)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		993.327.742	905.646.719
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		993.327.742	905.646.719
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	3.368.358.035	3.368.358.035
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.431.000.000	6.431.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.062.641.965)	(3.062.641.965)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.558.612.057	32.170.940.484
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	28.558.612.057	32.170.940.484
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.936.098.566	186.043.134.323

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2015		01/01/2015	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		73.287.185.046		113.056.129.486
I. Nợ ngắn hạn	310		58.674.927.155		101.813.721.952
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	33.981.850.702		91.019.817.466
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.034.605.362		2.080.965.899
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	17.908.078.831		1.758.882.782
4. Phải trả người lao động	314		2.942.196.507		2.955.860.309
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		199.403.400		69.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		477.698.161		574.253.673
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	1.546.000.000		1.546.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-		1.245.492.125
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		585.094.192		563.449.698
II. Nợ dài hạn	330		14.612.257.891		11.242.407.534
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	8.440.277.121		-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-		3.524.426.764
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	6.171.980.770		7.717.980.770
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.648.913.520		72.987.004.837
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	74.648.913.520		72.987.004.837
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		66.666.660.000		66.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		66.666.660.000		66.666.660.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.914.505.663		4.614.045.869
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.067.747.857		1.706.298.968
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		901.379.380		-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.166.368.477		1.706.298.968
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		147.936.098.566		186.043.134.323

Nam Định, ngày 24 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Tuấn Tú

Phụ trách kế toán



Nguyễn Tuấn Tú

Giám đốc



Hoàng Nguyên Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.296.146.061.267	1.795.489.114.892
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	2.956.722.216	3.418.987.974
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	1.293.189.339.051	1.792.070.126.918
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.256.414.160.508	1.760.285.547.990
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.775.178.543	31.784.578.928
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		249.419.439	95.949.523
7. Chi phí tài chính	22	21	1.849.788.864	1.220.079.123
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.169.745.942	1.220.079.123
8. Chi phí bán hàng	25	22	30.109.772.362	20.011.314.969
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	7.765.700.475	8.309.475.206
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.700.663.719)	2.339.659.153
11. Thu nhập khác	31	24	6.158.559.079	60.589.613
12. Chi phí khác	32		449.283.552	137.311.879
13. Lợi nhuận khác	40		5.709.275.527	(76.722.266)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.008.611.808	2.262.936.887
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	842.243.331	556.637.919
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	--	2.166.368.477	1.706.298.968
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	325	256

Nam Định, ngày 24 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Tú

Phụ trách kế toán

Nguyễn Tuấn Tú

Giám đốc



Hoàng Nguyên Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03 - DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.008.611.808	2.262.936.887
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.463.684.617	3.966.558.780
- Các khoản dự phòng	03	(2.093.835.224)	3.363.359.451
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.287.840.498)	(95.949.523)
- Chi phí lãi vay	06	1.169.745.942	1.220.079.123
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.260.366.645	10.716.984.718
3. vốn lưu động			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	21.995.309.160	179.545.940.378
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	23.511.021.967	42.499.051.463
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(38.565.903.972)	(220.643.085.911)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.196.147.014)	1.042.659.589
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.169.745.942)	(1.220.079.123)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(667.502.404)	(716.578.705)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	205.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(278.815.300)	(636.399.980)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.888.583.140	10.793.492.429
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.019.700.557)	(8.003.267.094)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.365.354.545	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	249.419.439	95.949.523
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.595.073.427	(7.907.317.571)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	79.509.183.800	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(81.055.183.800)	(772.519.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.546.000.000)	(772.519.230)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.937.656.567	2.113.655.628
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.086.076.693	4.972.421.065
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.023.733.260	7.086.076.693

Nam Định, ngày 24 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Tú

Phụ trách kế toán

Nguyễn Tuấn Tú

Giám đốc

Hoàng Nguyễn Thanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 30/11/2010 và các lần thay đổi. Mã số doanh nghiệp là 0600759399. Tên giao dịch Quốc tế của Công ty là PETROVIETNAM OIL NAM DINH JOINT STOCK COMPANY viết tắt là PVOIL NAM DINH.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 66.666.660.000 đồng. Các cổ đông Công ty bao gồm:

- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV góp 37.833.330.000 đồng bằng tài sản và tiền chiếm 57 % vốn điều lệ.
- Ngân hàng TMCP Đại Dương góp 5.500.000.000 đồng bằng tiền chiếm 8% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Thương mại vận tải Trung Dũng góp 5.000.000.000 đồng bằng tiền chiếm 8% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác góp 18.333.330.000 đồng bằng tiền chiếm 27% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại số 115C ngõ Dầu khí, đường Giải Phóng, phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Số lao động của công ty tại ngày 31/12/2015 là 196 người (tại 31/12/2014 là 197 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Mua bán, kinh doanh sản phẩm dầu mỏ như: các loại xăng dầu, dầu nhớt, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, hóa chất và các loại chế phẩm dầu mỏ khác;
- Đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu;
- Kinh doanh nhiên liệu sinh học (Ethanol fuel, Biodiesel); Thực hiện các hoạt động liên quan đến các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học;
- Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, máy móc và dịch vụ thương mại;
- Xuất nhập khẩu phương tiện phục vụ công tác chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Xây dựng các hệ thống bồn chứa, phân phối và kinh doanh sản phẩm dầu;
- Vận chuyển các sản phẩm dầu khí; Dịch vụ cho thuê xe bồn, bể chứa xăng dầu và kho bãi;
- Mua bán phân bón, các sản phẩm hóa dầu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Hoạt động của bến xe, bãi xe ô tô; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác.
- Dịch vụ kỹ thuật dầu khí: khoan thăm dò dầu khí, địa chất, địa vật lý giếng khoan,...
- Dịch vụ cung ứng nhân lực ngành dầu khí.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty là 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015 đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán: Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục. Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ kế toán). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Công cụ tài chính

Công cụ tài chính gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân loại phù hợp với Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ tài chính hướng dẫn “Áp dụng chuẩn mực kiểm toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với Công cụ tài chính”.

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Handwritten signature and stamp on the right margin.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản phải thu khách hàng và tài sản tài chính khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Ghi nhận các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn khác là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của khoản đầu tư hoặc phần sở hữu của Công ty tính theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư (nếu theo thực tế) được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư dùng để xác định phần sở hữu của Công ty là báo cáo tài chính riêng/hợp nhất của bên nhận đầu tư đã được kiểm toán/chưa được kiểm toán.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng..

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Mức khấu hao (Năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

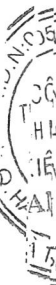
Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và không thời hạn. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị lợi thế vị trí địa lý của các lô đất, chi phí thuê cửa hàng được phân bổ dần vào chi phí và lợi thế thương mại phát sinh khi sáp nhập Công ty Cổ phần Vật tư Petec.

Giá trị lợi thế vị trí địa lý được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời gian còn lại của các hợp đồng thuê đất và được loại trừ khi xác định chi phí được trừ khi tính thuế TNDN năm 2015 với số tiền là 252.444.372 đồng.

Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 31/12/2015 có số dư 22.421.168.992 đồng phát sinh khi sáp nhập Công ty cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec vào Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định tại thời điểm 31/12/2014. Trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2015, Công ty chưa xác định và áp dụng nhất quán phương pháp phân bổ giá trị lợi thế thương mại nói trên theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

20/12/15
KẾ TÍNH
K. I. E. M.
A. H.
1/8/15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc các định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

SE
/C
HI
:IE
AI
17

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	882.870.851	2.274.093.933
Tiền gửi ngân hàng	11.140.862.409	4.811.982.760
Cộng	<u>12.023.733.260</u>	<u>7.086.076.693</u>

Số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm 8.021.970.411 đồng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nam Định là số tiền do Công ty Cổ phần VICEM Bao Bi Bút Sơn thanh toán mua tài sản đang bị phong tỏa theo biên bản thỏa thuận giữa các bên (xem chi tiết Thuyết minh số 24).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Hà Thành	5.086.293.622	8.064.791.781
Công ty CP Xây dựng Vận tải Thành Phát (1)	4.270.513.122	4.270.513.122
Công ty TNHH Giải pháp Dầu khí Việt Nam	3.935.734.640	-
Công ty CP Thương mại Phụng Hoàng (1)	3.287.903.374	3.287.903.374
Công ty CP Xuất nhập khẩu Gia Bảo (1)	1.845.034.982	1.845.034.982
Công ty TNHH thương mại xăng dầu Toàn Hằng	1.499.757.150	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại 668	951.747.800	2.912.747.800
Công ty TNHH Hiền Đạt (1)	782.916.797	792.916.797
Công ty CP Thương mại Vận tải Bạch Đằng (1)	353.434.728	753.434.728
Công ty CP Thương mại và Vận tải Trung Dũng	269.254.332	22.321.868.083
Khách hàng khác	7.709.308.366	7.408.064.763
Cộng	<u>29.991.898.913</u>	<u>51.657.275.430</u>
Trong đó:		
<i>Số dư các bên liên quan (2)</i>	<u>1.626.454.332</u>	<u>22.321.868.083</u>

(1) Các khoản công nợ phải thu khó đòi từ PETROMAT chuyển sang và đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ.

(2) Chi tiết số dư các bên liên quan xem tại Thuyết minh số 32.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nợ ngắn hạn				
Ông Vũ Hữu Thuyên (1)	1.104.148.576	1.104.148.576	1.104.148.576	1.104.148.576
Ông Phan Trung Kiên (2)	226.595.552	-	310.595.552	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	202.629.000	-	202.629.000	-
Tạm ứng án phí	69.678.087	-	85.861.087	-
Phải thu các khoản xử lý trách nhiệm bồi hoàn vật chất	-	-	16.005.600	-
Số dư các khoản tạm ứng	453.618.000	-	618.098.915	-
Khác	128.813.317	-	3.498.300	-
Cộng	2.185.482.532	1.104.148.576	2.340.837.030	1.104.148.576

- (1) Khoản nợ phải thu của Ông Vũ Hữu Thuyên với số tiền là 1.104.148.576 đồng phát sinh do nộp thiếu tiền hàng tại các cửa hàng do Ông Thuyên phụ trách. Đến thời điểm này, Ông Thuyên đã bỏ trốn khỏi địa phương, Công ty đã trích lập dự phòng 100% khoản phải thu này, đồng thời đang tiếp tục thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi khoản nợ nói trên.
- (2) Biên bản họp hội đồng xử lý Công nợ phải thu ngày 30/09/2014 và Quyết định số 1055/QĐ-DKND ngày 30/09/2014, Công ty thống nhất chuyển công nợ khó đòi của Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Thành Đạt đã quá hạn trên 180 ngày sang công nợ cá nhân của ông Phan Trung Kiên - Phó giám đốc Công ty. Ông Kiên có trách nhiệm làm việc với Công ty Thành Đạt, tìm kiếm các biện pháp để thu hồi công nợ cho Công ty. Trong thời gian chưa hoàn trả xong công nợ hàng tháng, Công ty sẽ thu 30% tiền lương hàng tháng của Ông Kiên để bù trừ vào công nợ.

8. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Nợ ngắn hạn		
Số dư đầu năm	14.306.385.742	-
Trích lập dự phòng (*)	-	14.306.385.742
Hoàn nhập dự phòng	606.919.448	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
Số dư cuối năm	13.699.466.294	14.306.385.742

(*) Khoản dự phòng được tiếp nhận từ việc sáp nhập PETROMAT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. CÁC KHOẢN NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn				
<i>Thời gian quá hạn: trên 3 năm</i>				
Công ty CP Vận tải Thành Phát	4.270.513.122	-	4.270.513.122	-
Công ty CP Thương mại Phương Hoàng	3.287.903.374	-	3.287.903.374	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Gia Bảo	1.845.034.982	-	1.845.034.982	-
Ông Vũ Hữu Thuyên	1.104.148.576	-	1.104.148.576	-
Công ty TNHH Hiền Đạt	782.916.797	-	792.916.797	-
Công ty CP TM&DT Thành Đạt	558.848.733	-	558.848.733	-
Công ty TNHH TM Tổng hợp Tuyệt Ngà	414.488.919	-	414.488.919	-
Công ty CP thương mại Vận tải Bạch Đằng	353.434.728	-	753.434.728	-
Công ty CP TM & DV Hoàng Gia	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Mạnh Tân	202.564.688	-	242.542.688	-
Công ty CP Thương mại Vận tải Viễn Đông	164.800.000	-	164.800.000	-
Công ty TNHH Phú Khang	98.257.350	-	103.257.350	-
Nguyễn Đăng Thanh	96.062.601	-	96.062.601	-
Công ty TNHH Trường Đạt	94.638.854	-	114.638.854	-
HTX Cổ phần Vận tải sông biển Sông Ninh	50.547.153	-	50.547.153	-
DNTN Mạnh Cường	44.522.800	-	44.522.800	-
Công ty TNHH Xây dựng Phụ Long	30.784.279	-	30.784.279	-
DNTN XD Hoàn Nha	-	-	31.466.040	-
Công ty CP Xây dựng Đầu tư Phát triển Bạch Đằng 15 (CHXD Hải Vân)	-	-	100.475.408	-

Các khoản công nợ phải thu khó đòi từ PETROMAT chuyển sang. Công ty đã trích lập 100% dự phòng phải thu khó đòi với số dư các khoản nợ trên. Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ dự phòng đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xăng A92	14.201.141.171	(384.523.740)	18.143.080.835	(1.510.069.737)
Xăng E5	613.370.287	(58.895.412)	113.011.066	(18.575.554)
Xăng A95	1.223.285.844	(32.383.007)	-	-
Dầu Diezel 0,05%	4.255.772.971	(469.001.908)	10.765.282.584	(290.797.003)
Dầu Diezel 0,25%	-	-	11.645.827.834	(621.374.701)
Dầu FO (3%S)	12.344.902	(6.535.961)	2.955.893.480	-
Dầu FO (3.5%S)	8.663.955	(2.561.191)	637.830.822	-
Hàng hóa khác	1.920.199.792	-	1.484.874.268	-
Cộng	22.234.778.922	(953.901.219)	45.745.800.889	(2.440.816.995)

Trong năm công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với giá trị: 1.486.915.776 đồng. Việc trích lập trên căn cứ vào giá bán của các mặt hàng xăng dầu trong năm.

Các Thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
1. Ngắn hạn	6.275.563.820	467.088.379
Lợi thế thương mại sáp nhập Petromat (1)	4.484.233.798	-
Lợi nhuận định mức trả cho Công ty TNHH 2626 (3)	450.000.000	-
Chi phí thuê cửa hàng xăng dầu	540.428.153	62.720.000
Phân bổ công cụ dụng cụ	10.198.750	283.859.263
Chi phí sửa chữa TSCĐ	234.622.383	30.254.558
Chi phí khác	556.080.736	90.254.558
2. Dài hạn	28.558.612.057	32.170.940.484
Lợi thế thương mại sáp nhập (1)	17.936.935.192	22.421.168.992
Giá trị lợi thế vị trí địa lý (2)	6.296.252.215	6.801.140.958
Chi phí thuê cửa hàng xăng dầu	1.138.818.188	2.079.181.820
Phân bổ công cụ dụng cụ	-	59.505.422
Chi phí sửa chữa, cải tạo TSCĐ	172.061.008	809.943.292
Chi phí thuê tài sản	1.214.545.454	-
Lợi nhuận định mức trả cho Công ty TNHH 2626 (3)	1.800.000.000	-
Cộng	<u>34.834.175.877</u>	<u>32.638.028.863</u>

(1) Khoản lợi thế thương mại phát sinh khi thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec với tổng giá trị lợi thế phát sinh là 22.421.168.992 đồng. Công ty chưa thực hiện phân bổ giá trị trên trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2015.

(2) Lợi thế vị trí địa lý được đánh giá tăng khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp. Công ty thực hiện phân bổ số tài sản trên với thời hạn 20 năm và không tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

(3) Khoản lợi nhuận định mức từ năm 2015 đến 2020 trả trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh Cửa hàng Xăng dầu với Công ty TNHH MTV 2626.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại 01/01/2015	3.171.000.000	35.000.000	3.206.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	35.000.000	35.000.000
Tại 31/12/2015	3.171.000.000	-	3.171.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2015	210.692.306	35.000.000	245.692.306
Khấu hao trong năm	119.386.488	-	119.386.488
Thanh lý, nhượng bán	-	35.000.000	35.000.000
Tại 31/12/2015	330.078.794	-	330.078.794
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2015	2.960.307.694	-	2.960.307.694
Tại 31/12/2015	2.840.921.206	-	2.840.921.206

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại ngày 31/12/2015			Tại ngày 01/01/2015		
	Giá trị			Giá trị		
	Giá gốc Tr.đồng	hợp lý Tr.đồng	Dự phòng Tr.đồng	Giá gốc Tr.đồng	hợp lý Tr.đồng	Dự phòng Tr.đồng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	1.431	840	591	1.431	840	591
Công ty CP Bất động sản và Kỹ thuật Xăng dầu Petecland (*)	5.000	2.528	2.472	5.000	2.528	2.472
Cộng	6.431	3.368	3.063	6.431	3.368	3.063

(*) Khoản đầu tư này được kế thừa từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec (PETROMAT) vào Công ty với giá trị 5 tỷ đồng (chiếm 13,05% Vốn Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư). Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa xác định được mức tổn thất đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật xăng dầu Petecland tại ngày 31/12/2015 để lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT - BTC ngày 7/12/2009 do Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của đơn vị này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ	Cộng
	vật kiến trúc	VND	thiết bị truyền dẫn	quản lý	
Tại 01/01/2015	62.127.503.385	8.219.783.011	7.521.513.819	55.345.455	77.924.145.670
<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>4.662.086.767</i>	<i>96.757.820</i>	-	-	<i>4.758.844.587</i>
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.662.086.767	96.757.820	-	-	4.758.844.587
<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>4.762.077.685</i>	<i>192.234.074</i>	<i>584.259.828</i>	-	<i>5.538.571.587</i>
Thanh lý, nhượng bán	4.762.077.685	192.234.074	584.259.828	-	5.538.571.587
Tại 31/12/2015	62.027.512.467	8.124.306.757	6.937.253.991	55.345.455	77.144.418.670
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2015	15.966.957.988	2.783.408.771	3.843.854.033	42.431.504	22.636.652.296
Khấu hao trong kỳ	3.975.196.381	637.284.652	720.748.008	11.069.088	5.344.298.129
Thanh lý, nhượng bán	3.561.809.863	181.317.468	584.259.828	-	4.327.387.159
Tại 31/12/2015	16.380.344.506	3.239.375.955	3.980.342.213	53.500.592	23.653.563.266
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2015	46.160.545.397	5.436.374.240	3.677.659.786	12.913.951	55.287.493.374
Tại 31/12/2015	45.647.167.961	4.884.930.802	2.956.911.778	1.844.863	53.490.855.404

Nguyên giá tài sản thế chấp để vay vốn tại ngân hàng tại ngày 31/12/2015 là: 21.106.832.210 đồng (tại 31/12/2014 là: 14.565.412.568 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là: 5.241.612.343 đồng (tại 31/12/2014 là: 1.133.840.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN, DÀI HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	33.981.850.702	33.981.850.702	91.019.817.466	91.019.817.466
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	25.811.945.279	25.811.945.279	69.052.490.983	69.052.490.983
TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (1)	6.000.000.000	6.000.000.000	21.440.277.121	21.440.277.121
Công ty TNHH Xây dựng Việt Thành	960.901.637	960.901.637	-	-
Các khách hàng khác	1.209.003.786	1.209.003.786	527.049.362	527.049.362
Dài hạn	8.440.277.121	8.440.277.121	-	-
TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (1)	8.440.277.121	8.440.277.121	-	-
Cộng	33.981.850.702	33.981.850.702	91.019.817.466	91.019.817.466

Trong đó (2)

Phải trả ngắn hạn các bên liên quan

Phải trả dài hạn các bên liên quan

32.042.982.449

8.440.277.121

75.074.890.193

-

(1) Khoản nợ Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP tại Nam Định bao gồm tiền mua xăng dầu phải trả phát sinh từ các năm trước chưa thanh toán của Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec. Khoản nợ này Công ty đã làm việc và cam kết thanh toán với Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP.

(2) Chi tiết số dư liên quan xem tại Thuyết minh số 32.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DÀU KHÍ NAM ĐỊNHSố 115C ngõ Dầu khí, đường Giải Phóng,
phường Trường Thi, thành phố Nam Định**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN, DÀI HẠN**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay ngắn hạn	-	-	79.509.183.800	79.509.183.800	-	-
- Ngân hàng TMCPCP Quân đội - CN Nam Định	-	-	47.359.000.000	47.359.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Nam Định	-	-	32.150.183.800	32.150.183.800	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Nam Định (1)	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000	1.546.000.000
Các khoản vay dài hạn	6.171.980.770	6.171.980.770	-	1.546.000.000	7.717.980.770	9.263.980.770
- Ngân hàng TMCP Công thương - CN Nam Định (1)	6.171.980.770	6.171.980.770	-	1.546.000.000	7.717.980.770	9.263.980.770
Cộng	7.717.980.770	7.717.980.770	81.055.183.800	82.601.183.800	9.263.980.770	10.809.980.770

(1) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 03/2013-HĐTDDA/NHCT380 -PVOIL Nam Định giữa PV OIL Nam Định và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định. Số tiền cam kết cho vay theo hợp đồng là 19.184.000.000 đồng, mục đích vay để đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu. Thời hạn cho vay là 84 tháng, thời gian ân hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kỳ thành toán 03 tháng/lần. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất của dự án. Lãi suất được điều chỉnh hàng tháng theo thông báo của Ngân hàng. Lịch trả nợ vay chi tiết của khoản nợ như sau:

	31/12/2015
	VND
Trong vòng 1 năm	1.546.000.000
Trong vòng 2 năm	1.546.000.000
Trên 2 năm	4.625.980.770
Cộng	7.717.980.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong kỳ			31/12/2015
	01/01/2015	Phải nộp	Đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.113.911.726	19.364.803.061	16.936.443.840	3.542.270.947
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.861.234	842.243.331	667.502.404	180.602.161
Thuế nhà đất	(320.934.188)	479.163.619	479.163.619	(320.934.188)
Thuế thu nhập cá nhân	8.885.072	126.995.603	130.976.102	4.904.573
Thuế bảo vệ môi trường	630.224.750	151.849.343.150	138.299.266.750	14.180.301.150
Thuế môn bài	-	32.500.000	32.500.000	-
Cộng	1.437.948.594	172.695.048.764	156.545.852.715	17.587.144.643
Trong đó				17.908.078.831
- Số thuế phải nộp	1.758.882.782			320.934.188
- Số thuế phải thu	320.934.188			

18. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	66.666.660.000	4.614.045.869	1.706.298.968	72.987.004.837
Lãi trong năm	-	-	2.166.368.477	2.166.368.477
Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	300.459.794	(804.919.588)	(504.459.794)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	300.459.794	(300.459.794)	-
- Trích quỹ KTPL	-	-	(300.459.794)	(300.459.794)
- Trích thù lao, thưởng khác	-	-	(204.000.000)	(204.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	66.666.660.000	4.914.505.663	3.067.747.857	74.648.913.520

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 507/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2015.

b) Chi tiết vốn góp của các bên như sau:

	Vốn góp tại 31/12/2015	Tỷ lệ góp vốn	Vốn góp tại 01/01/2015	Tỷ lệ góp vốn
	VND	%	VND	%
TCT Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	37.833.330.000	57	27.000.000.000	41
Ngân hàng TMCP Đại Dương	5.500.000.000	8	5.500.000.000	8
Công ty CP Thương mại Vận tải Trung Dũng	5.000.000.000	8	5.000.000.000	8
Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	-	-	10.833.330.000	16
Các cổ đông khác	18.333.330.000	27	18.333.330.000	27
Cộng	66.666.660.000	100	66.666.660.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

c) Cổ phiếu	<u>31/12/2015</u> Cổ phiếu	<u>31/12/2014</u> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	6.666.666	6.666.666
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.666.666	6.666.666
- Cổ phiếu phổ thông	6.666.666	6.666.666
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.666.666	6.666.666
- Cổ phiếu phổ thông	6.666.666	6.666.666
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VNĐ/cổ phiếu)	10.000	10.000

19. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Doanh thu kinh doanh xăng A92	490.891.667.714	618.763.401.253
Doanh thu kinh doanh xăng A95	7.771.893.868	2.037.964.926
Doanh thu kinh doanh xăng E5	2.857.248.043	1.504.106.213
Doanh thu kinh doanh dầu DO 0.25%	430.070.598.098	672.603.718.649
Doanh thu kinh doanh dầu DO 0.05%	353.568.941.744	380.785.543.110
Doanh thu kinh doanh dầu FO	4.764.933.028	114.833.197.855
Doanh thu Gas	1.182.698.742	1.822.086.484
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	5.038.080.030	3.139.096.402
Cộng	<u>1.296.146.061.267</u>	<u>1.795.489.114.892</u>
Chiết khấu bán hàng	2.956.722.216	3.418.987.974
Doanh thu thuần	<u>1.293.189.339.051</u>	<u>1.792.070.126.918</u>
Trong đó:		
- Doanh thu với các bên liên quan (1)	<u>32.427.725.353</u>	<u>135.096.024.671</u>

(1) Xem chi tiết tại Thuyết minh số 32.

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Giá vốn kinh doanh xăng A92	477.801.564.704	606.399.395.271
Giá vốn kinh doanh xăng A95	7.694.685.092	2.032.358.770
Giá vốn kinh doanh xăng E5	2.863.926.170	1.427.237.968
Giá vốn kinh doanh dầu DO 0.25%	421.431.680.486	660.315.724.161
Giá vốn kinh doanh dầu DO 0.05%	339.668.449.056	370.026.843.414
Giá vốn kinh doanh dầu FO	4.324.210.693	113.335.377.292
Giá vốn Gas	1.155.600.577	1.794.792.150
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	2.960.959.506	2.513.001.969
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá HTK	(1.486.915.776)	2.440.816.995
Cộng	<u>1.256.414.160.508</u>	<u>1.760.285.547.990</u>

30
 30
 CỘ
 CH
 KI
 NI
 AN
 BAN
 TR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.169.745.942	1.220.079.123
Lãi phạt của Tổng công ty Dầu Việt Nam	680.042.922	-
Cộng	1.849.788.864	1.220.079.123

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.864.131.127	9.013.438.651
Chi phí vật liệu bao bì	1.661.734.103	1.078.872.837
Chi phí dụng cụ đồ dùng	401.625.856	815.824.403
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.240.253.867	3.703.845.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.010.436.648	2.919.510.374
Chi phí bằng tiền khác	7.931.590.761	2.479.823.453
Cộng	30.109.772.362	20.011.314.969

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý (*)	4.527.868.873	3.040.561.349
Chi phí vật liệu quản lý	379.673.086	505.783.298
Chi phí dụng cụ đồ dùng	177.790.468	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	223.430.751	262.713.549
Thuế, phí và lệ phí	513.231.119	196.560.215
Chi phí dự phòng	(606.919.448)	922.542.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.102.653.121	1.629.877.513
Chi phí bằng tiền khác	1.447.972.505	1.751.436.826
Cộng	7.765.700.475	8.309.475.206

(*) Trong việc lập Báo cáo tài chính 2015, Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm để ghi tăng giảm chi phí quản lý doanh nghiệp với giá trị 1,2 tỷ đồng. Khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm nói trên được chuyển từ Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu Petec sang (Đơn vị sáp nhập vào Công ty tại thời điểm 31/12/2014).

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thanh lý tài sản (1)	6.038.421.059	-
Các khoản khác	120.138.020	60.589.613
Cộng	6.158.559.079	60.589.613

(1) Bao gồm khoản thu nhập từ việc nhượng bán tài sản trên đất tại xã Lộc An, thành phố Nam Định có tổng giá trị thu từ thanh lý và giá trị còn lại tương ứng là 7.286.363.636 đồng và 1.200.267.821 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Theo biên bản thỏa thuận giữa PV OIL Nam Định, Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn và Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Nam Định, toàn bộ số tiền mà VICEM Bao bì Bút Sơn chuyển trả vào tài khoản của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định sẽ bị phong tỏa, số tiền trên chỉ được giải tỏa khi ngân hàng nhận được: Công văn của VICEM Bao bì Bút Sơn về việc giải tỏa tài khoản trên và ủy quyền toàn bộ cho PV OIL Nam Định được sử dụng và Quyết định/văn bản tương đương của UBND tỉnh Nam Định về việc giao mảnh đất trên cho VICEM Bao bì Bút Sơn.

Trường hợp ngân hàng không nhận được 1 trong 2 giấy tờ trên và các bên không có thỏa thuận gì thêm thì số tiền trên sẽ được ngân hàng tự động chuyển về tài khoản của Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, các bên đã thực hiện bàn giao xong tài sản trên đất. Ngày 03/02/2015, UBND tỉnh Nam Định đã ra quyết định số 236/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định; cho Công ty Cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn thuê đất. Công ty đang tiến hành làm các thủ tục để hoàn tất việc chuyển nhượng nói trên.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân công	16.392.000.000	12.054.000.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.219.197.657	1.584.656.135
Chi phí đồ dùng dụng cụ	579.416.324	815.824.403
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.463.684.618	3.966.558.800
Thuế, phí, lệ phí	513.231.119	196.560.215
Chi phí dự phòng	(606.919.448)	922.542.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.045.749.718	4.549.387.887
Chi phí khác bằng tiền	9.379.563.266	4.231.260.279
Cộng	45.985.923.254	28.320.790.175

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.008.611.808	2.262.936.887
Điều chỉnh cho thuế TNDN	819.766.968	267.235.473
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ khi tính thuế	819.766.968	267.235.473
Thu nhập chịu thuế	3.828.378.776	2.530.172.360
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	842.243.331	556.637.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.166.368.477	1.706.298.968
Số BQ gia quyền CP phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.666.666	6.666.666
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	325	256

(*) Công ty thực hiện điều chỉnh lại khoản lợi nhuận sau thuế năm 2014 sau khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi.

	<u>Năm 2014</u>	<u>Điều chỉnh</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	quỹ KTPL	sau điều chỉnh
		VND	VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	1.706.298.968	300.459.794	1.405.839.174

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang		
<i>Trong vòng một năm</i>	473.793.544	328.339.000
<i>Trên một năm đến năm năm</i>	516.185.333	844.524.333
<i>Trên năm năm</i>	-	-

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động trên thể hiện số tiền Công ty sẽ phải chi trả trong tương lai từ các hợp đồng thuê tài sản không hủy ngang là các Cửa hàng Xăng dầu Khánh Hòa và Cửa hàng Xăng dầu Mai Linh, Cụ thể:

- Thuê Cửa hàng Xăng dầu Khánh Hòa theo hợp đồng thuê tài sản số 125/DKND/2012/HĐKT ngày 26/4/2012, thời gian thuê là 5 năm, số tiền thuê tối thiểu 01 năm là: 210.739.000 đồng.

- Thuê Cửa hàng Xăng dầu Mai Linh theo hợp đồng thuê tài sản số 192/DKND/2012/HĐKT ngày 12/12/2012, thời gian thuê 05 năm, số tiền thuê tối thiểu 01 năm là 117.600.000 đồng.

Các khoản tiền chi trả về thuê hoạt động trên không bao gồm các hợp đồng thuê tài sản là Cửa hàng Xăng dầu Hạ Long, Nam Vân và thuê xe ô tô mà công ty đã thanh toán trước tiền hợp đồng cho khách hàng trong suốt thời gian thuê của hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nợ khó đòi đã xử lý:

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Công ty Đá Đồng giao	589.844.900	589.844.900
Công ty Hà Thành	382.733.800	382.733.800
Công ty NN Y Yên	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Minh Hiếu	190.000.000	190.000.000
Công ty TNHH Bảo Chính Vương	194.604.200	194.604.200
Công ty TNHH Sông Hồng 25	410.278.400	410.278.400
Công ty TNHH Tùng Giang	243.892.600	243.892.600
Cộng	<u>2.036.353.900</u>	<u>2.036.353.900</u>

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Hiện tại Công ty đang ký 19 hợp đồng thuê đất với chính quyền địa phương thuộc tỉnh Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, thời gian thuê đất từ 05 đến 50 năm với tổng diện tích thuê là 50.266 m² để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng số tiền thuê đất tối thiểu phải trả hàng năm của các hợp đồng trên là: 659.544.815 đồng.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.023.733.260	7.086.076.693
Các khoản phải thu ngắn hạn	18.477.915.151	39.691.726.718
Cộng tài sản tài chính	<u>30.501.648.411</u>	<u>46.777.803.411</u>
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	1.546.000.000	1.546.000.000
Phải trả người bán ngắn, dài hạn	42.422.127.823	91.019.817.466
Chi phí phải trả ngắn hạn	199.403.400	69.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	424.022.427	554.982.306
Vay và nợ dài hạn	6.171.980.770	7.717.980.770
Cộng công nợ tài chính	<u>50.763.534.420</u>	<u>100.907.780.542</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có rủi ro tỷ giá do không có các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty kinh doanh các mặt hàng xăng, dầu phụ thuộc nhiều vào biến động giá cả thế giới và được mua từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam nên Công ty có thể chịu nhiều rủi ro về biến động giá đầu vào. Công ty chưa thể áp dụng các công cụ cần thiết để giảm thiểu các rủi ro này do chưa Việt Nam chưa có thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại 01/01/2015			
Vay và nợ ngắn, dài hạn	1.546.000.000	7.717.980.770	9.263.980.770
Phải trả người bán ngắn hạn	91.019.817.466	-	91.019.817.466
Chi phí phải trả ngắn hạn	69.000.000	-	69.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	554.982.306	-	554.982.306
Cộng	<u>93.189.799.772</u>	<u>7.717.980.770</u>	<u>100.907.780.542</u>
Tại 31/12/2015			
Vay và nợ ngắn, dài hạn	1.546.000.000	6.171.980.770	7.717.980.770
Phải trả người bán ngắn, dài hạn	42.422.127.823	-	42.422.127.823
Các khoản phải trả, phải nộp khác	424.022.427	-	424.022.427
Cộng	<u>44.591.553.650</u>	<u>6.171.980.770</u>	<u>50.763.534.420</u>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức độ đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết thể hiện được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.086.076.693	-	7.086.076.693
Các khoản phải thu ngắn hạn	39.691.726.718	-	39.691.726.718
Cộng	<u>46.777.803.411</u>	<u>-</u>	<u>46.777.803.411</u>
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.023.733.260	-	12.023.733.260
Các khoản phải thu ngắn hạn	18.477.915.151	-	18.477.915.151
Cộng	<u>30.501.648.411</u>	<u>-</u>	<u>30.501.648.411</u>

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh xăng dầu các loại. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh dầu nhớt và gas. Doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (Năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 là 0,2 %) Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số 18 và 19 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

32. GIAO DỊCH VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty có phát sinh giao dịch bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Các đơn vị	Mối quan hệ
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
TCT Thương mại Kỹ Thuật & Đầu tư - CTCP	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần dầu nhờn PV OIL	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Trung Dũng	Cổ đông

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	1.134.854.303.278	1.710.858.011.439
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL	3.054.305.300	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	48.175.247.226	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	5.776.755.318	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	5.250.909.091	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình		43.756.755
TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP	1.191.644.918	-
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	4.942.038.554	-
XN Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ - Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	923.386.412	109.721.666
XN Tổng kho Xăng dầu Vũng Áng - Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	206.517.438	61.776.237
XN Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè - Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	-	12.798.622
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Trung Dũng	13.153.561.418	135.096.024.671
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	3.423.287.199	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	435.478.501	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	1.875.856.808	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	6.271.942.982	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Nguyên	5.780.898.563	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Quảng Ninh	1.486.699.882	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2015 của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại & Vận tải Trung Dũng	269.254.332	22.321.868.083
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Cái Lân	1.357.200.000	-
Phải thu khác		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	(202.629.000)	(202.629.000)
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	25.811.945.279	69.052.490.983
TCT Thương mại Kỹ Thuật & Đầu tư - CTCP	6.000.000.000	21.440.277.121
XN Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ - Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	11.427.374	7.187.167
XN Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè - Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	-	4.457.280
XN Tổng kho Xăng dầu Vũng Áng - Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV	7.789.525	10.754.763
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL	211.820.271	-
Phải trả người bán dài hạn		
TCT Thương mại Kỹ Thuật & Đầu tư - CTCP	8.440.277.121	-

Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và ban giám đốc

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	108.000.000	108.000.000
Thù lao	108.000.000	108.000.000
Ban giám đốc	1.525.000.000	1.111.000.000
Lương	1.525.000.000	1.111.000.000
Cộng	1.633.000.000	1.219.000.000

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Phú (nay là Công ty TNHH Kiểm toán An Việt) và được trình bày lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Nam Định, ngày 24 tháng 02 năm 2015

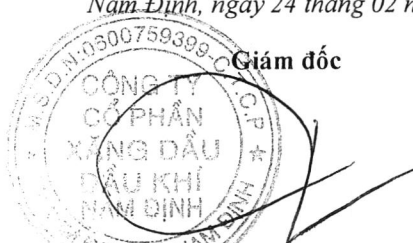
Người lập biểu


Nguyễn Tuấn Tú

Phụ trách kế toán


Nguyễn Tuấn Tú

Giám đốc


Hoàng Nguyên Thanh

